

MÔ HÌNH CANH TÁC CÓ HIỆU QUẢ CHO VÙNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY KHÍ – ĐIỆN – ĐẠM TẠI XÃ KHÁNH AN, HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

Lê Tấn Lợi¹, Nguyễn Hữu Kiệt và Hồ Minh Tâm

ABSTRACT

The objectives of the study are to assess the social economy of people who live in project area of Gas - Electricity - Nitrogen Factory, research and propose efficiently farming models for re-settlement area of Khanh An commune, U Minh District, Ca Mau province. The results of the study showed that: After planning, the social economy of inhabitant was not stable, the number of people without jobs increased, and the rest was un-stable jobs. The support work of resettlement – re-farming for people faces difficulty because of a complete infrastructure was not constructed. The cultivated land has affected by acid soil, so the renovation production of the people was weak. Result showed that in the resettlement, there were four farming models as: (1) mono rice; (2) rice – livestock; (3) rice – livestock – upland crops; (4) rice - fish – livestock – upland crops. There were two models which were selected and proposed such as: rice - livestock – upland crops and rice - fish - livestock – upland crops.

Keywords: *farming model, economy efficiency, resettled farming, Gas - Electricity – Nitrogen, Khanh An, U Minh*

Title: *Effectively farming model for resettled farming area in project of Gas-Electricity- Nitrogen factory at Khanh An village U Minh district, Ca Mau province*

TÓM TẮT

Mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá đời sống kinh tế - xã hội của người dân trong vùng dự án xây dựng nhà máy Khí - Điện - Đạm, nghiên cứu và đề xuất các mô hình canh tác có hiệu quả cho khu vực tái định canh xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Kết quả cho thấy: Sau khi thực hiện dự án, đời sống kinh tế xã hội của người dân chưa được ổn định, số người không có việc làm tăng, số còn lại thì không có công việc ổn định. Công tác hỗ trợ tái định cư - định canh cho người dân đang gặp khó khăn do chưa xây dựng kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh. Khó khăn trong canh tác nông nghiệp do đất bị nhiễm phèn, việc đầu tư cho sản xuất của người dân còn yếu. Khảo sát cũng cho thấy trong khu tái định canh có 4 loại mô hình canh tác: (1) độc canh lúa; (2) lúa – chăn nuôi; (3) lúa – chăn nuôi – màu; (4) lúa – cá – chăn nuôi – màu. Theo kết quả đánh giá cho thấy có 2 mô hình có hiệu quả được lựa chọn và đề xuất để canh tác là mô hình lúa – chăn nuôi – màu và mô hình lúa – cá – chăn nuôi – màu.

Từ khóa: *mô hình canh tác, hiệu quả kinh tế, tái định canh, Khí - Điện - Đạm, Khánh An, U Minh*

1 MỞ ĐẦU

Nền kinh tế chính của Khánh An vẫn là nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Sau khi xã Khánh An được Chính phủ và tỉnh quyết định xây dựng khu công nghiệp nhà máy Khí – Điện - Đạm với định hướng gia tăng tỷ trọng ngành công nghiệp

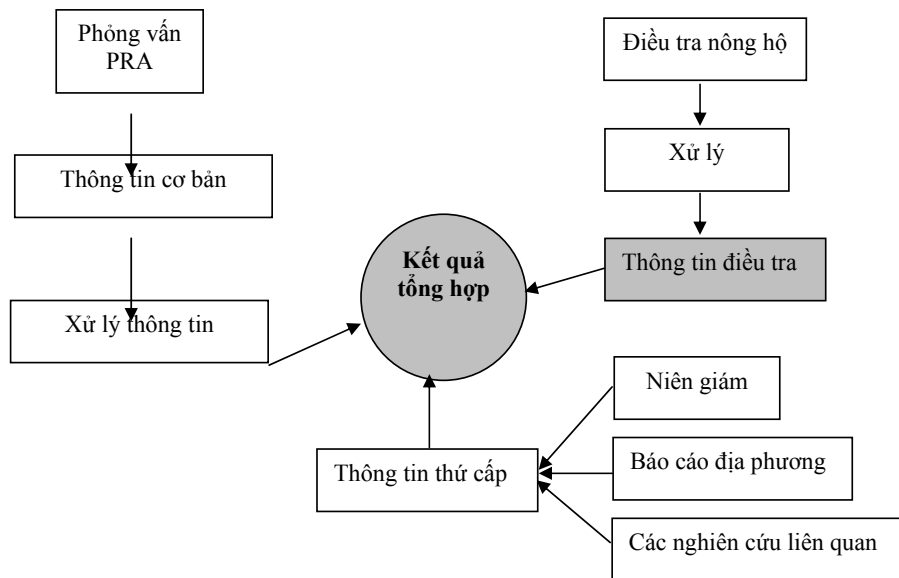
¹ Khoa Môi trường & TNTN, Trường Đại học Cần Thơ

góp phần làm tăng thu nhập cho người dân trong vùng. Đây vừa là cơ hội, nhưng cũng vừa là thách thức to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội đặt ra cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân U Minh nói chung, xã Khánh An nói riêng. Từ đó, Đảng bộ và chính quyền các cấp đã tập trung đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng, bố trí tái định canh, định cư.

Tuy nhiên, khi thực hiện công tác này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống người dân trong vùng, chủ yếu là các hộ dân có đất trong vùng dự án khu công nghiệp, các hộ dân này sau khi đất được quy hoạch được chính quyền xã bố trí vào khu tái định canh, định cư thì đời sống của họ có nhiều thay đổi. Có 352 hộ nhận đất tái định canh, định cư nhưng số lượng đã vào xây dựng nhà ở và định canh để sản xuất thì rất ít.

Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần đánh giá và tìm ra nguyên nhân tác động, đồng thời nghiên cứu đề xuất giải pháp để giúp người dân ổn định trong cuộc sống. Đặc biệt là lựa chọn mô hình và phương thức canh tác thích hợp với vùng đất tái định canh của người dân vùng dự án để cải thiện và phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống kinh tế xã hội từ đó thu hút người dân vào khu tái định cư định canh sinh sống lâu dài.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



Hình 1: Các bước tiến hành nghiên cứu đề tài

Đề tài được thực hiện với phương pháp điều tra, thu thập số liệu bằng phương pháp bảng câu hỏi chuẩn hóa và xây dựng các mô hình thực tế. Số liệu được thu thập dựa vào quản lý nguồn tài nguyên trên nông hộ và mô hình canh tác. Các chỉ tiêu lợi nhuận (RAVC), lợi nhuận/nhân tố đầu tư (RFI) và hiệu quả đồng vốn (BCR) được dùng để đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình canh tác.

Các công cụ hỗ trợ:

- Công cụ PRA: công cụ này được tiến hành khi đã có những thông tin ban đầu về đề tài nghiên cứu từ những tài liệu thứ cấp.
- Phiếu điều tra nông hộ: Sử dụng bảng câu hỏi điều tra.

Cơ sở đánh giá và đề xuất mô hình

Việc đề xuất mô hình nhằm mục đích:

- Cải thiện đời sống của người dân trong khu tái định canh.
- Lựa chọn được mô hình canh tác thích hợp cho vùng.
- Cơ sở đánh giá và đề xuất mô hình sẽ đưa vào các chỉ tiêu sau:
 - Chỉ tiêu 1 (Tổng chi phí toàn mô hình): Ưu tiên cho các mô hình có tổng chi phí thấp. Để đánh giá chỉ tiêu này ta phân ra làm 3 thang điểm như sau: Chi phí cao: Tổng chi phí lớn hơn 25 triệu đồng (1 điểm); Chi phí trung bình: Tổng chi phí từ 15 – 25 triệu đồng (2 điểm); Chi phí thấp: Tổng chi phí thấp hơn 15 triệu đồng (3 điểm).
 - Chỉ tiêu 2 (Tỷ suất lợi nhuận/chi phí): Ưu tiên cho các mô hình có tỷ suất lợi nhuận/chi phí cao. Thang điểm đánh giá từ 1 – 4 dựa vào số liệu tỷ suất lợi nhuận đã tính.
 - Chỉ tiêu 3 (Thời gian xoay vòng đồng vốn): Ưu tiên cho các mô hình có thời gian xoay vòng đồng vốn nhanh. Để đánh giá chỉ tiêu này ta phân ra làm 3 thang điểm: Thời gian xoay đồng vốn trên 2 lần/năm (3 điểm); Thời gian xoay đồng vốn 2 lần/năm (2 điểm); Thời gian xoay đồng vốn 1 lần/năm (1 điểm).
 - Chỉ tiêu 4 (Tổng ngày công lao động): Ưu tiên cho các mô hình có ngày công lao động cao. Thang điểm đánh giá từ 1 – 4 dựa vào tổng ngày công lao động đã tính.
 - Chỉ tiêu 5 (Tính tiếp cận của mô hình): Chỉ tiêu này cho thấy về mặt kỹ thuật nông dân có dễ dàng tiếp nhận hay không. Ưu tiên cho các mô hình người dân dễ tiếp thu kỹ thuật. Để đánh giá chỉ tiêu này ta phân ra làm 2 thang điểm: dễ (2 điểm), khó (1 điểm).
 - Chỉ tiêu 6 (Sự thích nghi với điều kiện tự nhiên): Chỉ tiêu này đánh giá về sự thích nghi của các loại cây trồng với vùng đất phèn và cả khả năng sản xuất nhiều vụ của từng loại. Ưu tiên cho các mô hình thích nghi cao với điều kiện tự nhiên của vùng. Để đánh giá chỉ tiêu này ta phân ra làm 3 thang điểm: thấp (1 điểm), trung bình (2 điểm), cao (3 điểm).
 - Chỉ tiêu 7 (Khả năng phát triển của mô hình): Ưu tiên cho các mô hình có khả năng phát triển cao. Để đánh giá chỉ tiêu này ta phân ra làm 3 thang điểm: thấp (1 điểm), trung bình (2 điểm), cao (3 điểm).
 - Chỉ tiêu 8 (Chính sách hỗ trợ của nhà nước): Ưu tiên cho các mô hình có thể nhận sự hỗ trợ của nhà nước. Để đánh giá chỉ tiêu này ta phân ra làm 2 thang điểm: có (2 điểm), không (1 điểm).
 - Chỉ tiêu 9 (Thị trường tiêu thụ): Ưu tiên cho các mô hình có thị trường tiêu thụ mạnh. Để đánh giá chỉ tiêu này ta phân ra làm 3 thang điểm: yếu (1 điểm), trung bình (2 điểm), mạnh (3 điểm).

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng kinh tế xã hội nông hộ trong vùng dự án

Tình hình kinh tế - xã hội của 100 hộ dân có đất bị thu hồi trong vùng quy hoạch khu nhà máy công nghiệp Khí – Điện – Đạm được điều tra bằng phiếu phỏng vấn nông hộ cho thấy:

- Có 12 hộ dời chuyển vào khu tái định cư - định canh, phần lớn các hộ đều ở lại khu tái định cư tạm và số còn lại thì họ mua đất ở nơi khác để định cư và canh tác. Nguyên nhân chủ yếu là do khu tái định cư hiện vẫn chưa hoàn thành kết cấu hạ tầng, để phục vụ các nhu cầu thiết yếu của người dân và một phần vì đất sản xuất gặp khó khăn do nhiễm phèn nặng không thể canh tác. Do vậy, người dân vùng này nghĩ rằng sẽ không có việc làm khi vào đây nên họ vẫn ở khu tái định cư tạm để mua bán, làm thuê hoặc đi nơi khác làm việc hoặc định cư.
- Hầu hết người dân trong vùng quy hoạch tiếp cận các chủ trương chính sách của Nhà nước có liên quan đến việc quy hoạch khu công nghiệp tương đối đầy đủ, phần lớn thông tin người dân quan tâm đến là chính sách bồi hoàn giá cả và giải quyết công ăn việc làm như thế nào cho bà con sau quy hoạch.
- Nhiều hộ sau khi nhận được số tiền đền bù lớn thì chủ yếu xây sửa nhà cửa, mua đồ sinh hoạt đắt tiền, mặc dù sau quy hoạch vẫn chưa có công ăn việc làm.

Theo bảng thống kê điều tra 100 hộ, phần lớn các hộ này chủ yếu sống bằng nghề nông, có trình độ học vấn thấp, người dân chưa kịp chuẩn bị để kiếm nghề mới sinh sống cả về tinh thần, thái độ, ý thức nghề nghiệp... Do vậy khi đột ngột mất đất, mất việc làm có gắn với đất thì hầu như người dân không có khả năng nhanh chóng tìm việc làm và thu nhập.

Mức thu nhập trung bình

Bảng 1: Thu nhập trung bình người dân trước và sau quy hoạch

Thu nhập trung bình (ngàn đồng/người/tháng)	Trước quy hoạch (%)	Sau quy hoạch (%)
0	0	38
500 – 1000	70	25
1000 - 1800	13	32
1800 - 4000	17	5
Tổng cộng	100	100

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế năm 2009

Thu nhập trung bình trước quy hoạch: 1,195 triệu đồng/ người; độ lệch chuẩn: 781,5.

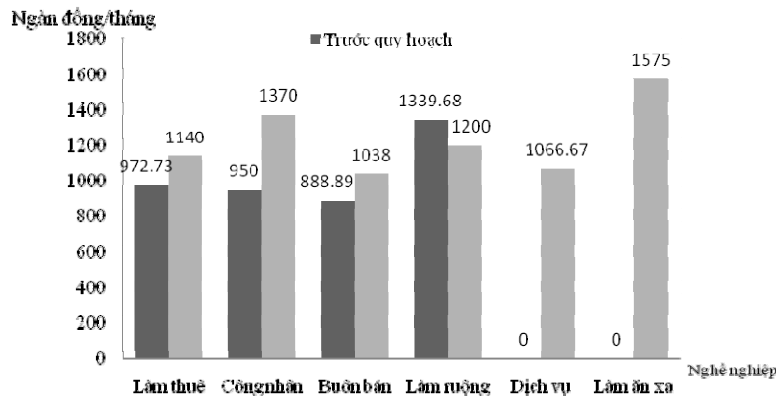
Thu nhập trung bình sau quy hoạch: 1,229 triệu đồng/người; độ lệch chuẩn: 549

Qua kết quả bảng 1 cho thấy, trước quy hoạch nhóm có thu nhập trung bình từ 500 ngàn đồng đến 1 triệu đồng chiếm tỷ trọng rất lớn đến 70% (chiếm 70 hộ trong tổng số hộ điều tra). Nhóm có thu nhập trung bình 1 triệu đồng – 1,8 triệu đồng và nhóm có thu nhập trung bình từ 1,8 triệu đồng – 4 triệu đồng chỉ chiếm 30%, trong đó nhóm có thu nhập trung bình 1 triệu – 1,8 triệu chiếm 13% (13 hộ trong tổng số hộ điều tra), còn lại 17% (chiếm 17 hộ trong tổng số hộ điều tra) là nhóm có thu nhập trung bình từ 1,8 triệu đồng – 4 triệu đồng.

Theo kết quả phân tích, sau quy hoạch có 38 người trong tổng số người điều tra sau khi quy hoạch bị thất nghiệp nên không có thu nhập, hoàn toàn sử dụng tiền bồi hoàn vào cuộc sống hàng ngày.

Cũng từ bảng 1 cho thấy, nhóm có thu nhập trung bình từ 1 triệu đồng đến 1,8 triệu đồng chiếm tỷ trọng lớn nhất chiếm 32% (chiếm 32 hộ trong tổng số hộ điều tra). Còn lại là nhóm có thu nhập trung bình 500 ngàn đồng – 1 triệu đồng và nhóm có thu nhập trung bình từ 1,8 triệu đồng – 4 triệu đồng, trong đó nhóm có thu nhập trung bình 500 ngàn đồng – 1 triệu đồng chiếm 25% (25 hộ trong tổng số hộ điều tra), còn lại 5% (chiếm 5 hộ trong tổng số hộ điều tra) là nhóm có thu nhập trung bình từ 1,8 triệu đồng – 4 triệu đồng.

Nhóm người dân có mức thu nhập từ 1 triệu đồng – 1,8 triệu đồng trước quy hoạch chỉ có 13%, nhưng sau quy hoạch tăng lên đến 32%. Và đặc biệt số lao động bị thất nghiệp tăng lên đáng kể sau quy hoạch có đến 38% lao động thất nghiệp. Trong khi đó, hai nhóm thu nhập còn lại sau quy hoạch cũng giảm đáng kể, nhóm thu nhập từ 500 ngàn đồng – 1 triệu đồng trước quy hoạch chiếm 70%, sau quy hoạch chỉ còn 25%, và nhóm có thu nhập từ 1,8 triệu đồng – 4 triệu đồng trước quy hoạch chiếm 17%, nhưng sau quy hoạch chỉ còn lại 5%.



Hình 2: Thu nhập theo nghề nghiệp của người dân trước và sau quy hoạch

(Nguồn: Số liệu điều tra thực tế 2009)

Qua kết quả Hình 2 cho thấy, sau khi quy hoạch người dân đi làm ăn xa và dịch vụ, việc xuất hiện thêm hai nghề này là do người dân mất đất canh tác phải tìm công việc khác để tìm thêm thu nhập, đối với những người đi làm ăn xa trung bình kiếm được 1,575 triệu đồng/tháng/người, mặc dù có thu nhập tương đối cao nhưng thực chất họ cũng không dư nhiều để gửi cho gia đình vì đi xa tốn kém nhiều chi phí. Còn đối với nhóm người làm dịch vụ, trung bình một người kiếm được 1,067 triệu đồng/tháng. Những người làm thuê, thu nhập trung bình trước quy hoạch của họ là 972,73 ngàn đồng/tháng/người, sau quy hoạch thu nhập trung bình tăng lên 1,140 triệu đồng/tháng/người. Đối với những người làm công nhân, trước quy hoạch thu nhập chỉ có 950 ngàn đồng/tháng/người, nhưng sau quy hoạch thu nhập tăng lên 1,370 triệu đồng/tháng/người. Còn đối với những người buôn bán, trước quy hoạch thu nhập trung bình là 889 ngàn đồng/tháng/người, nhưng sau quy hoạch thu nhập có tăng lên, trung bình kiếm được 1,038 triệu đồng/tháng/người. Riêng đối với nhóm nông dân làm ruộng, thu nhập trung bình trước quy hoạch của một người là 1,340 triệu đồng/tháng, sau quy hoạch giảm xuống còn 1,2 triệu đồng/tháng/người.

Mức thu nhập của các hộ thuộc lĩnh vực buôn bán, làm thuê và lao động công nhật sau quy hoạch tăng từ 100.000 – 300.000 đồng/hộ so với trước quy hoạch. Nguyên

nhân chủ yếu là do giá cả thị trường và giá thuê mướn lao động tăng so với trước quy hoạch. Điều này chưa phản ánh được mức sống của người dân có tăng hay không.

Người dân cũng cho rằng tuy cuộc sống trước kia không khá giả nhưng canh tác lúa, trồng tràm và nuôi tôm quảng canh cũng dễ sinh sống. Sau khi bị mất đất thì hàng trăm hộ phải vào khu vực Lâm Trường mua đất định canh, mà khu vực này đất bị nhiễm phèn nặng nên một số hộ phải đi mua đất ở nơi khác để canh tác hay đã chuyển đổi nghề. Do đó mức thu nhập hàng tháng cũng được khá hơn nhưng mọi thứ bây giờ đều phải mua nên vẫn không đủ sống.

3.2 Phân tích và so sánh hiệu quả các mô hình canh tác có trong khu tái định canh

3.2.1 Phân tích hiệu quả kinh tế các mô hình canh tác

Số liệu ghi nhận được ở Bảng 2 của bốn mô hình canh tác trong vùng cho thấy diện tích đất trung bình ở hai mô hình lúa và lúa – chăn nuôi không có sự chênh lệch lớn. Trung bình diện tích đất canh tác ở mô hình lúa là 0,8 ha/hộ còn ở mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) là 1,01 ha. Tuy nhiên, tổng chi phí đầu tư cho mô hình lúa trên hộ trung bình là 5,152 triệu đồng/hộ thấp hơn 3 lần so với tổng chi phí đầu tư cho mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) trung bình 16,189 triệu đồng/hộ (bao gồm chi phí cơ hội).

Đối với hai mô hình canh tác lúa – màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) và lúa – cá – chăn nuôi – màu không có khác biệt lớn về diện tích. Tuy nhiên, không giống với hai mô hình lúa ở trên, tổng chi phí đầu tư cho hai mô hình này là tương đương nhau, tương ứng là trung bình trên hộ là 26,943 triệu đồng và 27,742 triệu đồng. So sánh ta thấy, tổng chi phí của mô hình lúa – màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) và mô hình lúa – cá – chăn nuôi – màu gấp 5 lần so với mô hình lúa.

Chi phí vật tư trung bình giữa các mô hình có sự khác biệt về mặt thống kê ở mức ý nghĩa 1% nhưng chi phí thuê lao động giữa các mô hình lại không có sự khác biệt. Đối với mô hình lúa chi phí vật tư cần 1,48 triệu đồng/hộ và không có chi phí thuê lao động. Trong khi đó chi phí vật tư cần thiết đối với mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) là 4,866 triệu đồng/hộ cao gấp 3,3 lần so với mô hình lúa độc canh. Chi phí thuê lao động trung bình khoảng 0,5 triệu đồng/hộ. Chi phí vật tư cần thiết đối với mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) - màu là 9,879 triệu đồng/hộ cao gấp 6,7 lần so với mô hình lúa, gấp 2 lần so với mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) và chi phí thuê lao động trung bình khoảng 1,075 triệu đồng/hộ. Chi phí vật tư cần thiết đối với mô hình lúa – cá - chăn nuôi - màu là 8,23 triệu đồng/hộ cao gấp 5,6 lần so với mô hình lúa, gấp 1,7 lần so với mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) và chi phí thuê lao động trung bình khoảng 0,5 triệu đồng/hộ.

Chi phí cơ hội trung bình giữa các mô hình có sự khác biệt về mặt thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Đối với mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác), chi phí cơ hội là 10,823 triệu đồng/hộ, cao gấp 3 lần so với chi phí cơ hội của mô hình lúa (3,667 triệu đồng/hộ). Chi phí cơ hội của mô hình lúa – cá – màu – chăn nuôi là 19,013 triệu đồng cao gấp 1,8 lần mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác), cao gấp 5,2 lần mô hình lúa. Chi phí cơ hội của mô hình lúa – màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) là 15,99 triệu đồng cao gấp 1,5 lần mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác), cao gấp 4,4 lần mô hình lúa.

Tổng ngày công lao động giữa các mô hình cũng khác biệt nhau ở mức ý nghĩa 1%. Tổng ngày công lao động cần thiết cho mô hình lúa chỉ có 70 ngày công. Trong khi tổng ngày công lao động cần thiết cho mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) là 214 ngày công cao hơn gấp 3,1 lần so với mô hình lúa. Đối với mô hình lúa – màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) tổng ngày công lao động cần thiết là 315,88 ngày công cao hơn gấp 3,5 lần so với mô hình lúa và cao hơn gấp 1,5 lần so với mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác). Đối với mô hình lúa – cá – chăn nuôi – màu tổng ngày công lao động cần thiết là 340 ngày công cao hơn gấp 4,9 lần so với mô hình lúa và cao hơn gấp 1,6 lần so với mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác).

Lợi nhuận trung bình của mô hình lúa là 4,74 triệu đồng/hộ. Lợi nhuận trung bình của mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) là 11,491 triệu đồng cao gấp 2,4 lần so với mô hình lúa. Lợi nhuận trung bình của mô hình lúa – màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) là 14,225 triệu đồng cao gấp 3 lần so với mô hình lúa. Lợi nhuận trung bình của mô hình lúa – cá - chăn nuôi – màu là 25,225 triệu đồng cao gấp 5,3 lần so với mô hình lúa.

Bảng 2: Phân tích hiệu quả kinh tế/hộ của 4 mô hình

Chỉ tiêu	Độc canh Lúa	Lúa – CN	Lúa – CN - màu	Lúa – cá – màu-CN	Giá trị F
Diện tích (ha)	0,8	1,01	2,19	2,16	2,4ns
Chi phí tiền mặt (ngàn đồng/năm)	1.480c	5.366bc	10.954a	8.730ab	12,32***
Chi phí vật tư	1.480c	4.866bc	9.879a	8.230ab	10,84***
Chi phí thuê lao động	0	500	1.075	500	2ns
Chi phí cơ hội (ngàn đồng/năm)	3.667c	10.823b	15.990ab	19.013a	11,62***
Chi phí lao động gia đình	3.500c	10.200b	14.719ab	18.000a	8,84***
Chi phí vốn	171,68c	622,50bc	1.271a	1.013ab	12,32***
Tổng chi phí (ngàn đồng/năm)	5.152c	16.189b	26.943a	27.742a	58,69***
Tổng thu (ngàn đồng/năm)	6.220c	16.857bc	25.179ab	33.985a	3,85**
Lợi nhuận (ngàn đồng/năm)	4.740b	11.491ab	14.225ab	25.255a	2,05*
Lợi nhuận có phí cơ hội	1.068	668,1	-1.764	6.242	0,4ns
Thu nhập/chi phí	1,26	1,07	0,93	1,2	0,34ns
Lợi nhuận/chi phí	0,97	0,73	0,52	0,89	0,82ns
Lợi nhuận/thu nhập	0,77	0,62	0,52	0,74	2,09ns
Tổng lao động đầu tư (ngày)	70c	214b	315,88ab	340a	11,53***
Lợi nhuận/ngày công	71,78	69,37	45,08	68,96	0,36ns

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế năm 2010

- Chi phí cơ hội vốn tính theo lãi suất ngân hàng 2010.

- Trong cùng một hàng, những số có cùng chữ số kèm theo giống nhau không khác biệt ý nghĩa ở mức độ 5% qua phép thử Duncan. ns = không khác biệt ; *, **, *** = khác biệt ở mức độ 10%, 5% và 1% qua kiểm định F.

Qua so sánh các tỷ số tài chính giữa 4 mô hình cho thấy: Mô hình lúa khi nông hộ đầu tư 1 đồng chi phí sẽ mang lại 1,26 đồng thu nhập, hộ canh tác mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) sẽ thu được 1,07 đồng thu nhập khi đầu tư 1 đồng chi phí; hộ canh tác mô hình lúa – màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) sẽ thu được 0,93 đồng thu nhập khi đầu tư 1 đồng chi phí; hộ canh tác mô hình lúa – cá - chăn nuôi – màu sẽ thu được 1,2 đồng thu nhập khi đầu tư 1 đồng chi phí.

Tương ứng như trên với 1 đồng chi phí đầu tư/hộ cho mô hình lúa độc canh sẽ thu được 0,97 đồng thu lợi nhuận, mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) thì sẽ

thu được 0,734 đồng lợi nhuận nếu nông hộ đầu tư 1 đồng chi phí; mô hình lúa – màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) thì sẽ thu được 0,53 đồng lợi nhuận nếu nông hộ đầu tư 1 đồng chi phí; mô hình lúa – cá - chăn nuôi - màu thì sẽ thu được 0,89 đồng lợi nhuận nếu nông hộ đầu tư 1 đồng chi phí.

Theo kết quả kiểm định với mức ý nghĩa 5% thì không có sự khác biệt về hai tỷ số này giữa 4 mô hình. Do chi phí đầu tư quá cao ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình và thu nhập mang lại không tương xứng với mô hình.

3.2.2 Đánh giá và đề xuất mô hình canh tác hiệu quả

Đánh giá và đề xuất mô hình

Sau khi đánh giá và cho điểm từng chỉ tiêu như ở bảng 3 và sau khi tổng hợp kết quả đánh giá điểm của các chỉ tiêu (Bảng 4) cho thấy, mô hình lúa – cá - chăn nuôi – màu được đánh giá cao nhất (26 điểm) và mô hình lúa –màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) (23 điểm). Như vậy, hai mô hình lúa – cá - chăn nuôi – màu và mô hình lúa –màu - chăn nuôi (cá, các loại khác) được đề xuất phát triển cho vùng tái định canh xã Khánh An huyện U Minh.

Giải pháp phát triển mô hình

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ về vốn và kỹ thuật canh tác để người dân mở rộng quy mô sản xuất mô hình mô hình lúa – cá - chăn nuôi – màu và mô hình lúa – cá (chăn nuôi) – màu. Vì hiện tại người dân trong vùng đang gặp khó khăn về vốn canh tác, hầu như các hộ vào đây gần như đã sử dụng hết nguồn tiền bồi hoàn do quy hoạch và một thời gian dài không có việc làm ổn định, không có nguồn thu nhập.

Nghiên cứu và liên kết với các viện, trường để tìm ra các loại cây trồng có khả năng phát triển tốt trên đất phèn và đưa vào cho người dân sản xuất nhằm cải thiện năng suất cây trồng đồng thời tăng thu nhập cho người dân. Đối với các loại màu, một số loại có khả năng phát triển tốt trên đất phèn như: hành lá, khoai môn, khoai mỡ, dưa hấu, đối với lúa cần tìm các giống lúa ngắn ngày, thích nghi với vùng đất phèn nhằm tăng năng suất và tăng vụ cho cây lúa.

Đặc biệt, đối với cá cần tìm nơi cung cấp nguồn giống ổn định và giá cả hợp lý để thu hút người dân canh tác. Do đây là vùng không được phép canh tác tôm, khuyến khích người dân nuôi cá nên cần có các chính sách ưu tiên về giống và kỹ thuật để mở rộng mô hình kết hợp lúa – cá. Một số loại cá có khả năng thích nghi với vùng đất phèn: cá sặc rằn, cá rô phi, cá lóc, cá chép.

Bảng 3: Chỉ tiêu đánh giá và đề xuất mô hình

Chỉ tiêu	Lúa	Lúa – CN	Lúa – CN - màu	Lúa – cá – màu - CN
(1) Tổng chi phí (ngàn đồng)	5.152	16.189	26.94	27.742
(2) Lợi nhuận/chi phí	0,970	0,734	0,525	0,885
(3) Thời gian xoay vòng vốn (lần/ năm)	1	2	3	3
(4) Tổng ngày công lao động (ngày)	70	214	315,8	340
(5) Tính tiếp cận của mô hình	Dễ	Khó	Khó	Khó
(6) Sự thích nghi với điều kiện tự nhiên	Thấp	TB	Cao	Cao
(7) Khả năng phát triển của mô hình	Thấp	TB	Cao	Cao
(8) Chính sách hỗ trợ của nhà nước	Không	Có	Có	Có
(9) Thị trường tiêu thụ	TB	TB	Mạnh	Mạnh

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế 2010; phương pháp chuyên gia

Bảng 4: Xếp hạng các chỉ tiêu đánh giá

Đvt: điểm

Chỉ tiêu	Lúa	Lúa – CN	Lúa – CN - màu	Lúa – cá – màu - CN
Tổng chi phí	3	2	1	1
Lợi nhuận/chi phí	4	2	1	3
Thời gian xoay vòng vốn	1	2	3	3
Tổng ngày công lao động	1	2	3	4
Tính tiếp cận của mô hình	2	1	1	1
Sự thích nghi đối với điều kiện tự nhiên	1	2	3	3
Khả năng phát triển của mô hình*	2	4	6	6
Chính sách hỗ trợ của nhà nước	1	2	2	2
Thị trường tiêu thụ	2	2	3	3
Tổng cộng	17	19	23	26
Xếp hạng	4	3	2	1

Nguồn: Theo tính toán của tác giả

Ghi chú: + () nhân hệ số 2 cho chỉ tiêu; ưu tiên nhân hệ số được tính theo phương pháp so sánh cặp*

+ Hạng càng nhỏ càng được ưu tiên

4 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Thu nhập người dân có đất bị thu hồi trong vùng dự án tuy có tăng so với trước quy hoạch từ 100.000 – 300.000 đồng/hộ (kết quả hình 2), nhưng nhìn chung, đời sống vật chất, tinh thần vẫn còn thấp kém.

Theo số liệu điều tra mức sống người giảm do không còn đất sản xuất và nghề nghiệp không ổn định. Chính sách hỗ trợ, đào tạo giải quyết công ăn việc làm cho người dân trong vùng quy hoạch chưa có hiệu quả cao, tỷ lệ người dân thất nghiệp tăng lên đáng kể (có đến 38% số lao động thất nghiệp).

Công tác hỗ trợ tái định cư - định canh cho người dân đang gặp khó khăn do kết cấu hạ tầng chưa hoàn chỉnh, đất canh tác bị nhiễm phèn nặng, thiếu nước tưới trong mùa khô và thiếu kinh nghiệm sản xuất trên vùng đất phèn.

Trong khu tái định canh có 4 loại mô hình canh tác như sau: mô hình lúa, mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác), mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) – màu và mô hình lúa – cá – chăn nuôi – màu. Theo kết quả đánh giá đề tài lựa chọn được hai mô hình canh tác thích hợp với nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất của vùng là mô hình lúa – chăn nuôi (cá, các loại khác) – màu và mô hình lúa – cá – chăn nuôi – màu.

4.2 Kiến nghị

Đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo nghề một cách có hiệu quả, phù hợp với từng độ tuổi, trình độ học vấn để người dân trong vùng quy hoạch có được nghề nghiệp ổn định. Cần có chính sách ưu tiên cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dự án quy hoạch.

Cần xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (đường sá, cầu cống...) trong vùng tái định canh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất của người dân nhằm thu hút người dân vào canh tác trong khu tái định canh.

Cần có chính sách hỗ trợ vốn để người dân có điều kiện cải tạo đất và có vốn sản xuất, kinh doanh, khuyến khích người dân thực hiện các mô hình canh tác thích hợp để người dân sớm có việc làm, tăng thêm thu nhập và ổn định cuộc sống trong khu tái định canh.

Tăng cường công tác khuyến nông giúp người dân nâng cao trình độ và kỹ thuật canh tác trên vùng đất phèn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brady, N.C, and R.W. Ray, 1996. The nature and properties of soil. 10th ed. Macmillan publishing company. New York. Pp. 277-281.
- Công Ty Phát Triển Nhà Minh Hải, 2002. Thuyết Minh Tổng Hợp Quy Hoạch Chi Tiết – Tỷ Lệ 1/500 Xây Dựng Khu Định Cư – Định Canh phục vụ Cụm Công Nghiệp Khí – Điện – Đạm Khánh An Huyện U Minh tỉnh Cà Mau. Công Ty Phát Triển Nhà Minh Hải.
- Đỗ Thị Thanh Ren, 2001. Ảnh hưởng hỗn hợp phân hữu cơ – lân vô cơ đối với lúa trên đất phèn (Hydraquentic Sulfaquepts). Trong Đặc San Chào Mừng Khoa Học Đất Thế Giới lần thứ 17 tại Bangkok, Thái Lan. In tại Hà Nội, 2002.
- Guong V.T., T.K. Tinh, T.T.T.Trang, and L.T. Moi, 1995. Effect of phosphorus, lime and potassium fertilization on Aluminium uptake and pineapple yield in acid sulfate soil in the Mekong Delta, Viet Nam.
- Lê Ngọc Thạch (2001). Giáo trình quy hoạch và phát triển nông thôn. Bộ Môn Khoa Học Đất Và Quản Lý Đất Đai, Khoa Nông Nghiệp Và Sinh Học ứng Dụng, trường Đại Học Cần Thơ.
- Lê Quang Trí, 2003. Giáo trình bài giảng quy hoạch và sử dụng đất, bộ môn Khoa Học Đất và Quản Lý Đất Đai, Khoa Nông Nghiệp Và Sinh Học Ứng Dụng, trường Đại Học Cần Thơ.
- Nguyễn Duy Cần, 1991. Nghiên cứu hệ thống canh tác trên vùng đất phèn nông huyện An Biên, Kiên Giang. Kết quả nghiên cứu Hệ Thống Canh Tác, Trường ĐHTC
- Nguyễn Thị Nghiêm, 2000. Tài liệu tập huấn phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của cộng đồng – PRA. Khoa Nông Nghiệp Đại Học Cần Thơ.
- Niên giám thống kê, 2008. Huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Saleh Adams Esam, asch Folkard & Becker Mathias (2004), Evaluation of Residue Management in Irrigated Rice – based Systems of the Mekong Delta, Plant nutrition in the Tropics and Subtropics, Karlrobert Kreiten Strabe 13,53115 Bonn, Germany.
- Trần Thanh Bé, 2000. Đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân. Viện nghiên cứu và phát triển hệ thống canh tác Đại Học Cần Thơ.
- Ủy ban nhân dân xã Khánh An, 2008. Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009. Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Võ Thị Thanh Lộc, 2001. Thống kê ứng dụng và dự báo trong kinh doanh và kinh tế. NXB Thống kê